TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/HC-PT
Ngày: 22/01/2025
V/v: "Khiếu kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Ngọc Thái.**

- Các Thẩm phán: ông **Lê Tự** và ông **Lê Văn Thường.**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Phước Thạnh,** Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 272/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2024/HC-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 218/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955. Địa chỉ: Xóm X, thôn X, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số I T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng Trà G - Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung C - Phó giám đốc Văn

phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn L - Phó Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn T1 – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q. Vắng mặt.

3. Chủ tịch UBND xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. UBND xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khoa L1 - Chủ tịch UBND xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy H - Phó Chủ tịch UBND xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Thị Thu H1 - Giám đốc Văn phòng Đ Chi nhánh thành phố Q. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Cơ sở mầm non X - Chủ cơ sở: Bà Trần Thị Thu S. Địa chỉ: Xóm X, thôn X, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Anh Lưu Văn G1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

4. Anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

5. Chị Lưu Thị H2, sinh năm 1984. Địa chỉ: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1980; địa chỉ: phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

6. Anh Lưu Viết P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

7. Chị Lưu Thị S1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2023 và các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung,

trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Văn N là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1975 bà lấy ông Lưu Văn T2 và sinh 5 người con là G1, Đ, H2, P, S1. Bà và chồng bà không có cha mẹ nuôi, con nuôi nào khác.

Năm 1984, bố mẹ chồng bà là ông Lưu T3 và bà Nguyễn Thị N2 đã cho bằng miệng và giao cho vợ chồng bà thửa đất tại xóm X, thôn X, xã T, thành phố Q. Thửa đất này đã được bố mẹ chồng bà quản lý và sử dụng từ trước năm 1945. Năm 1985, vợ chồng bà có làm quán bán hàng trên đất. Năm 1988 thì xây thêm nhà cấp 4 với diện tích khoảng 90m2. Năm 1998, chồng bà qua đời. Bà và các con bà đã ở ổn định tại thửa đất từ đó đến nay và không có tranh chấp gì với ai.

Năm 2011, UBND xã T có vận động gia đình bà hiến một phần đất phía sau để xây dựng nhà trẻ, gia đình bà có đồng ý và ủng hộ đất để xây dựng nhà trẻ, nay là T4 mầm non thôn X (con em Nguyễn Hữu Q xây dựng kính tặng quê hương năm 2011). Vì thế tại tờ bản đồ số 38, năm 2016 tại xã T có sự điều chỉnh giữa thửa đất số 362 (của trường mầm non) và thửa đất số 405 (của gia đình bà đang sử dụng).

Năm 2016, Nhà nước thực hiện đo đạc đất đai chính quy, gia đình bà cũng lên UBND xã T kê khai đất đai gia đình đang sử dụng. Tại tờ bản đồ số 38, năm 2016, xã T, thửa đất số 405 có diện tích 575,6m2; loại đất ONT +BHK, và có thể hiện có nhà trên đất.

Hiện tại, gia đình bà vẫn đang sử dụng và quản lý thửa đất này và không có tranh chấp với các hộ liền kề. Theo bản đồ địa chính năm 1996 là thửa 199, tờ bản đồ số 11 năm 1996; hiện nay là thửa 405, tờ bản đồ số 38, tại thôn X, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Bà đã làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất này.

Bà đã làm các đơn này đề nghị UBND xã T: Theo điều kiện cấp giấy chứng nhận cho đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 101 Luật Đất đai 2013 và hướng dẫn bởi các Điều 20, 21, 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP:“Trường hợp: Hộ gia đình, cá nhân được cấp giấy chứng nhận và không phải nộp tiền sử dụng đất nếu đáp ứng các điều kiện sau:

Điều kiện 1: Đang sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013.

Điều kiện 2: Có hộ khẩu thường trú tại địa phương và trực tiếp sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều kiện 3: Nay được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất xác

nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp."

Vào các ngày 12/9/2022, 23/9/2022 và 04/10/2022, bà đã làm đơn đề nghị UBND xã T:

1. Cung cấp hồ sơ trích lục thửa đất hiện gia đình bà đang sử dụng và sinh sống tại xóm X, thôn X, xã T, thành phố Q.

2. Xác nhận thửa đất hiện gia đình bà đang sử dụng và sinh sống tại xóm X, thôn X, xã T, thành phố Q là đất ổn định và không có tranh chấp.

3. Xác nhận thửa đất gia đình bà đang sinh sống, quản lý và sử dụng tại thôn X, xã T chính là thửa đất số 405 tờ bản đồ số 38.

Để gia đình bà có cơ sở pháp lý xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại công văn trả lời số 68/UBND ngày 16/3/2023 của UBND xã T lại cho rằng:

"- Theo Chỉ thị 299/TTg thửa đất 397, tờ bản đồ số 16, loại đất màu của ông Lưu T5 đăng ký quản lý sử dụng.

- Thực hiện nghị định 64/CP vào năm 2002, tại khu vực thôn X, thửa đất này là thửa số 199, tờ bản đồ số 11, đo vẽ năm 1996 nằm trong khu vực cắm mốc hành lang an toàn giao thông Quốc lộ B, do đó diện tích thửa đất này được đưa vào quỹ đất do UBND xã quản lý, không phân chia cho bất kỳ hộ dân nào.

- Diện tích đất nông nghiệp được cân đối lại cho ông Lưu T5 là thuộc thửa 76, tờ bản đồ 11, đo vẽ năm 1996 là vị trí khác.

- Năm 2012, tại thời điểm thời điểm thực hiện dự án đường V - Sa Huỳnh giai đoạn 1, đất này thuộc UBND xã quản lý nên không đền bù cho bất kỳ hộ nào."

Bà cho rằng các nội dung trên của UBND xã T không đúng sự thật và không có căn cứ pháp lý. Bà không đồng ý và làm đơn này khiếu nại toàn bộ nội dung của công văn. Ngày 17/4/2023, ngày 05/5/2023 và ngày 23/5/2023 bà đã có đơn khiếu nại lần đầu, lần hai và lần ba nhưng đến nay vẫn chưa có được UBND xã Tịnh Hòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q đã từ chối cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, năm 1996 và hiện nay là thửa đất số 405, tờ bản đồ số 38, tại thôn X, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho bà. Tại Thông báo về việc trả hồ sơ không giải quyết số 1053/TB-CNTPQN ngày 09/11/2022 với lý do: "Bà Nguyễn Thị T đề nghị cấp GCN QSD đất đối với thửa số 405, tờ bản đồ số 38, xã T, diện tích 575,6m2, loại đất (ONT+BHK), xã T.

Tương ứng theo tờ bản đồ số 11 đo vẽ năm 1996, thuộc thửa đất số 199, diện tích 819m2, loại đất M. Sổ mục kê năm 1996 là đất do UBND xã quản lý.

Như vậy trường hợp của ông/bà có nguồn gốc lấn chiếm đất nông nghiệp sau thời điểm đo vẽ bản đồ năm 1996 nhưng ông kê khai nguồn gốc toàn bộ thửa đất từ năm 1988 cha ông xây dựng nhà cấp 4 trên thửa đất này là không đúng."

Điều này là không có cơ sở, làm ảnh hưởng đến quyền lợi, lợi ích hợp pháp của bà nên bà đã có Đơn khởi kiện hành vi hành chính trả hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q. Khi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đang giải quyết vụ án, thì ngày 04/7/2023, UBND xã T đã có Giấy mời bà hồi 14 giờ ngày 07/7/2023 làm việc tại "vị trí bà T đang sử dụng đất thuộc thửa đất 405, tờ bản đồ 38, thôn X".

Tuy nhiên, tại buổi làm việc, UBND xã T lại lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 04/BB-VPHC cho rằng bà Nguyễn Thị T chiếm đất do UBND xã quản lý tại thửa đất số 405, tờ bản đồ 38, đo vẽ năm 2016, loại đất BHK với tổng diện tích vi phạm 575,6m2, địa chỉ thửa đất thôn X, xã T, thành phố Q. Nhận thấy, Biên bản này không đúng với thực tế và hoàn toàn không có cơ sở pháp lý. Ngày 07/8/2023, bà đã có Đơn khiếu nại gửi UBND xã T (UBND xã không giải quyết đơn khiếu nại).

Ngày 04/8/2023, ông Nguyễn L - Phó Chủ tịch UBND thành phố Q đã lập Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 30/BB- XM đối với bà Nguyễn Thị T, thôn X. Tại biên bản này cũng không phản ánh đúng sự thật và đúng với thực tế diễn biến thực tế của buổi làm việc. Cụ thể:

- Khi lập biên bản ông Nguyễn L - Phó Chủ tịch UBND thành phố Q đã không ghi nhận sự có mặt của người được bà ủy quyền hợp pháp là ông Trần Văn N (có giấy ủy quyền công chứng); không ghi nhận các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà đã có nhiều đơn khiếu nại gửi UBND xã T, gửi UBND thành phố Q khiếu nại về thửa đất số 405, tờ bản đồ 38, đo vẽ năm 2016, nhưng chưa được giải quyết; không ghi nhận các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà đang có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi liên quan đến thửa đất số 405, tờ bản đồ 38, đo vẽ năm 2016, đã được được giải quyết ở giai đoạn tố tụng hòa giải; không làm rõ các tài liệu, chứng cứ thể hiện thửa đất số 405, tờ bản đồ 38, đo vẽ năm 2016, loại đất ONT + BHK của bà cung cấp khác với việc UBND xã T xác định đây chỉ là đất BHK.

- Khi lập biên bản ông Nguyễn L - Phó Chủ tịch UBND thành phố Q đã ghi nhận "Vào lúc 15 giờ 05 ngày 07/7/2023, Qua kiểm tra UBND xã T phát hiện bà Nguyễn Thị T đang có hành vi vi phạm hành chính". Điều này là không đúng. Bởi lẽ ngày 07/7/2023, UBND xã T có giấy mời bà làm việc, chứ không phải là UBND

xã T phát hiện bà đang có hành vi vi phạm hành chính nên lập biên bản. Điều này trái ngược hoàn toàn với xác nhận của mọi người tại buổi làm việc là bà T đã ở, làm nhà và mở quán bán bánh xèo từ những năm 1990.

Căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 04/BB-VPHC ngày 07/7/2023 của UBND xã T và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính ngày 04/8/2023. Cùng ngày 04/8/2023, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 226/QĐ-XPHC đối với bà Nguyễn Thị T, thôn X, xã T. Quyết định nêu: "Buộc bà Nguyễn Thị T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc bà trả lại đất đã chiếm tại thửa đất số 405, tờ bản đồ 38, diện tích 575,6m2, loại đất BHK, đo vẽ năm 2016, tại thôn X, xã T, thành phố Q.". Điều này là không có cơ sở pháp lý và bà không thể thực hiện được, bởi quyết định không xác định được thời điểm vi phạm và theo bản đồ đo vẽ năm 2016 thì thửa đất là đất ONT + BHK, điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi, lợi ích hợp pháp của bà. Do vậy, bà làm đơn khiếu nại Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 226/QĐ-XPHC cùng ngày 04/8/2023 UBND thành phố Q; đồng thời, kèm theo Đơn kiến nghị. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND thành phố Q không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà và ban hành Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu số 6038/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 đối với bà.

Ngày 17/4/2023, ngày 05/5/2023 và ngày 23/5/2023, bà T đã có Đơn khiếu nại lần đầu, lần hai và lần ba nhưng đến nay vẫn chưa được ông Nguyễn Khoa L1, Chủ tịch UBND xã T theo quy định của pháp luật. Không những thế, ngày 07/7/2023, UBND xã T lại lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 04/BB-VPHC cho rằng bà Nguyễn Thị T chiếm đất do UBND xã quản lý tại thửa đất số 405, tờ bản đồ 38, đo vẽ năm 2016, loại đất BHK với tổng diện tích vi phạm 575,6m2, địa chỉ thôn X, xã T, thành phố Q. Nhận thấy, Biên bản này không đúng với thực tế và hoàn toàn không có cơ sở pháp lý. Ngày 07/8/2023, bà T lại có Đơn khiếu nại gửi ông Nguyễn Khoa L1, Chủ tịch UBND xã T nhưng cũng không được giải quyết.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, gia đình bà T đã phát hiện tại Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 04/BB-VPHC ngày 07/7/2023 do công chức địa chính xây dựng xã T lập xác định thửa đất số 405, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016, diện tích 575,6m2, loại đất BHK, nguyên thửa đất này thuộc thửa đất số 199, tờ bản đồ 11, diện tích 819 m2, đo vẽ năm 1996, loại đất màu. Như vậy, phần còn lại của thửa đất số 199, tờ bản đồ 11, đo vẽ năm 1996, loại đất màu chính là một phần thửa đất số 362, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016, diện tích 559,5m2, đất DGD, mà một phần thửa đất này năm 2011, bà T đã được UBND xã T vận động hiến đất xây dựng nhà trẻ của xã, và con em Nguyễn Hữu Q ủng

hộ kinh phí xây dựng kính tặng quê hương với tên gọi "Điểm trường mầm non X1". Mục đích đóng góp của nhân dân xây dựng nhà trẻ nhằm phục vụ nâng cao môi trường học tập sinh hoạt của con em trong xã. Tuy nhiên, hiện tại nhà trẻ đã được UBND xã T kinh doanh, thương mại hóa bằng cách cho tư nhân thuê để thu tiền với tên gọi "Nhà trẻ Thu S" do chủ cơ sở là bà Trần Thị Thu S quản lý. Như vậy có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý đất đai, cần xác minh làm rõ mục đích sử dụng đất của toàn bộ thửa đất số 199, tờ bản đồ 11, đo vẽ năm 1996, loại đất màu.

Điều này ảnh hưởng đến quyền lợi, lợi ích hợp pháp của bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Tuyên bố hành vi hành chính trả hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, năm 1996 và hiện nay là thửa đất số 405, tờ bản đồ số 38 tại thôn X, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q đối với bà Nguyễn Thị T tại Thông báo việc trả hồ sơ không giải quyết số 1053/TB-CNTPQN ngày 09/11/2022 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q phải tiếp nhận lại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, năm 1996; hiện nay là thửa đất số 405, tờ bản đồ số 38, tại thôn X, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Nguyễn Thị T.

- Tuyên bố hành vi hành chính không giải quyết các Đơn khiếu nại ngày 17/4/2023, ngày 05/5/2023, ngày 23/5/2023 và ngày 07/8/2023 của Chủ tịch UBND xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND xã T các đơn khiếu nại ngày 17/4/2023, ngày 05/5/2023, ngày 23/5/2023 và ngày 07/8/2023 của bà Nguyễn Thị T theo quy định pháp luật.

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND xã T về việc cho phép xây dựng Nhà trẻ trên đất nông nghiệp và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho Cơ sở mầm non X thuê một phần thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, đo vẽ năm 1996, loại đất màu, nay là một phần thửa đất số 362, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016, diện tích 559,5m2 loại đất DGD, là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 226/QĐ-XPHC ngày 04/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Q.

- Hủy quyết định số 6038/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T.

Tại Văn bản số 2350/VPĐKĐ-ĐKCGCN ngày 29/9/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q và Văn bản số 2628/VPĐKĐ-ĐKCGCN ngày 28/9/2023, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q trình bày:

Ngày 02/11/2022, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Xã T, thành phố Q.

Qua thẩm tra, xác minh hồ sơ nêu trên, Văn phòng Đ chi nhánh thành phố Q nhận thấy hồ sơ không đủ điều kiện để được giải quyết theo quy định của pháp luật với lý do:

Nguồn gốc sử dụng đất do bà Nguyễn Thị T kê khai trong Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nội dung: "Bố mẹ chồng tôi là ông Lưu T3 và bà Nguyễn Thị N2 quản lý và sử dụng thửa đất từ trước năm 1975. Năm 1984 bố mẹ chồng cho bằng miệng cho vợ chồng tôi. Năm 1985 vợ chồng làm quán. Năm 1988 thì xây dựng thêm nhà cấp 4. Gia đình tôi sinh sống và ở đó ổn định không tranh chấp với ai. Năm 1998 chồng tôi là Lưu Văn T2 qua đời chúng tôi có các con là G1, Đ, H2, P, S1. Năm 2011 xã có vận động tôi cho một phần thửa đất để xây dựng nhà trẻ".

Bà Nguyễn Thị T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 405, tờ bản đồ số 38, xã T, diện tích 575,6m2, loại đất (ONT + BHK), xã T. Tương ứng theo tờ bản đồ số 11 đo vẽ năm 1996 thuộc thửa đất số 199, diện tích 819m2, loại đất M. Sổ mục kê năm 1996 là đất do UBND xã quản lý. Như vậy, trường hợp của bà có nguồn gốc lấn chiếm đất nông nghiệp thời điểm đo vẽ bản đồ năm 1996 nhưng kê khai nguồn gốc toàn bộ thửa đất từ năm 1988 cha bà xây dựng nhà cấp 4 trên thửa đất này là không đúng.

Đối chiếu bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Q được UBND tỉnh Q phê duyệt tại Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Q thì thửa đất nêu trên thuộc quy hoạch đất ở và quy hoạch đất giao thông.

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và khoản 11 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TTBTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T7 thì trường hợp của bà không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định do không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và nội dung về nguồn gốc đất do ông kê khai không phù hợp với thông tin được lưu giữ tại cơ quan đăng ký.

Ngày 09/11/2022, Văn phòng Đ - chi nhánh thành phố Q có Thông báo số 1053/TB-CNTPQN về việc trả hồ sơ không giải quyết của bà Nguyễn Thị T, địa

chỉ thửa đất: xã T, thành phố Q là đúng quy định pháp luật.

Tại Công văn số 713/UBND ngày 29/02/2024, UBND thành phố Q trình bày:

1. Nội dung khiếu nại:

Theo các đơn khiếu nại ghi ngày 18/8/2023, 20/8/2023 và biên bản làm việc ngày 06/9/2023 với Thanh tra thành phố, bà Nguyễn Thị T trình bày: Gia đình Bà sinh sống ổn định lâu dài trên thửa đất tại xóm X, thôn X, xã T từ trước năm 1945. Năm 1985, bà có làm quán bán hàng trên đất, năm 1988 xây thêm nhà cấp 4 diện tích khoảng 90m2. Năm 2011, UBND xã T có vận động bà hiến một phần đất phía sau để xây dựng nhà trẻ và bà đã đồng ý. Năm 2016, bà có lên UBND xã kê khai đất đai đang sử dụng. Hiện tại đất của bà đang sử dụng có diện tích khoảng 500m2, trong đó có diện tích nhà cấp 4 là 90m2 và đã có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các ngày 12/9/2022, 23/9/2022 bà có làm đơn gửi UBND xã đề nghị cung cấp hồ sơ trích lục thửa đất và xác nhận tình trạng sử dụng đất. Ngày 16/3/2023, UBND xã T có Công văn số 68/UBND. Bà cho rằng nội dung Công văn số 68/UBND không đúng sự thật, không có căn cứ pháp lý. Ngày 17/4/2023, 05/5/2023, 23/5/2023 bà có gửi đơn khiếu nại đến UBND xã T. Ngày 05/6/2023, 05/7/2023 bà có gửi đơn đến UBND thành phố.

Ngày 07/7/2023, UBND xã T có lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC cho rằng bà chiếm đất do UBND xã quản lý tại thửa đất số 405, tờ bản đồ 38, đo vẽ năm 2016, loại đất BHK, với tổng diện tích vi phạm 575,6m2 trong đó có chiếm dụng làm nhà tạm 90,9m2; lều trại 73,8m2; diện tích còn lại dựng trụ rào lưới B40 dài 24,8m (có bản vẽ hiện trạng kèm theo) là không đúng thực tế vì chỉ được đo đạc phía bên ngoài đường và không có cơ sở pháp lý. Ngày 07/8/2023, bà có đơn khiếu nại gửi đến UBND xã T.

Ngày 04/8/2023, Phó Chủ tịch UBND thành phố có Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 30/BB-XM. Biên bản này không phản ảnh đúng sự thật, cụ thể: Khi lập biên bản không ghi nhận sự có mặt của người được bà uỷ quyền hợp pháp; không ghi nhận các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà đã có nhiều đơn khiếu nại nhưng chưa được giải quyết, không ghi nhận tài liệu, chứng cứ thể hiện bà đang khởi kiện tại Toà án đã được giải quyết ở giai đoạn tố tụng hòa giải; không làm rõ tài liệu chứng cứ thể hiện thửa đất số 405, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016, loại đất ONT+BHK của bà cung cấp khác với việc UBND xã T xác định chỉ là đất BHK; ghi nhận "Vào lúc 15 giờ 05 ngày 07/7/2023, qua kiểm tra UBND xã T phát hiện bà Nguyễn Thị T đang có hành vi vi phạm hành chính" là không đúng. Vì ngày 07/7/2023, UBND xã có mời bà làm việc chứ không phải UBND xã phát hiện, trái ngược hoàn toàn với xác nhận của nhân dân

là bà T đã ở, làm nhà và mở quán bánh xèo từ năm 1990. Đồng thời tại biên bản bà có ghi không đồng ý với nội dung biên bản là sẽ khiếu nại. Tuy nhiên, cùng ngày UBND thành phố đã vội ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà. Bà Nguyễn Thị T khiếu nại, yêu cầu thu hồi và huỷ bỏ: Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 30/BB-XM ngày 04/8/2023 của UBND thành phố; Quyết định số 226/QĐ-XPHC ngày 04/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Q xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị T.

2. Diễn biến vụ việc:

2.1. Nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất

a) Thửa đất hiện nay bà Nguyễn Thị T đang khiếu nại, theo bản đồ đo vẽ năm 2016, xã T là thửa đất 405, tờ bản đồ 38, diện tích 575,6m2, loại đất ONT+BHK. Theo bản đồ đo vẽ năm 1996, xã T, thuộc thửa đất số 199, tờ bản đồ 11 diện tích 819m2, loại đất màu. Theo bản đồ đo vẽ năm 1986 xã T, thuộc thửa đất số 397, tờ bản đồ số 16, diện tích: 636m2, loại đất màu.

Theo sổ đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị 299/TTg (5b) do ông Lưu T5 (là cha chồng của bà T) đăng ký thửa đất số 397 tại quyển số 2, số T, trang 134. Theo sổ mục kê lập năm 1986 quyển số 2, trang số 258 đứng tên ông Lưu T5, tại cột ghi chú có ghi "5%".

b) Tại các Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 22/9/2023, số 206/BC-UBND ngày 05/10/2023 và Biên bản làm việc ngày 12/10/2023, UBND xã T xác định.

Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, hiện nay UBND xã T không còn lưu trữ phương án giao đất nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt của xã. Tuy nhiên, sau khi thực hiện rà soát quỹ đất công ích và đất nông nghiệp khác, UBND xã T có lưu trữ Đề án số 02/ĐA-UB ngày 15/8/2002 về thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho nông dân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (không có Quyết định phê duyệt). Qua xác minh với những người biết việc lúc cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP thì thửa đất số 199 này không được phân chia lại cho hộ gia đình ông Lưu T5, không đưa vào diện tích phân chia cho hộ gia đình nào. Theo sổ mục kê lập năm 2002 (lập theo cấp đất Nghị định 64/CP) thửa đất số 199 ghi tên chủ sử dụng là UBND xã. Tại thời điểm thực hiện Nghị định 64/CP, hộ bà Nguyễn Thị T có 04 nhân khẩu, được cân đối giao đất nông nghiệp theo bản đồ đo vẽ năm 1996 xã T là thửa đất số 2 tờ bản đồ số 11, diện tích 450m2, loại đất BHK và thửa 239, tờ bản đồ số 7, diện tích 464m2, loại đất lúa. Hộ bà T đã được cân đối giao đất nông nghiệp đủ theo Nghị định 64/CP tại xã T (mỗi nhân khẩu được cân đối đủ 75m2 đất màu cũng như đất lúa). Theo Biên bản xác minh, lấy ý kiến khu dân cư của UBND xã T vào ngày 11/10/2023 thì người dân có ý kiến

thửa đất 405, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016 là thuộc đất hành lang an toàn giao thông Quốc lộ B là không cân đối chia theo Nghị định 64/CP cho bất kỳ hộ nào và do Nhà nước quản lý.

Theo sổ mục kê lập năm 2019, thửa đất số 405 nói trên ghi tên người sử dụng, quản lý đất là hộ bà Nguyễn Thị T. Do khi thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh về tăng cường quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý thì UBND xã T rà soát bị thiếu sót, không đưa thửa đất này vào quản lý theo Chỉ thị 09/CT-UBND.

- Trước năm 2004, bà Nguyễn Thị T có xây dựng nhà tạm (móng xây bằng đá chẻ, tường xây gạch không tô trát cao 3,2m, xà gồ gỗ, mái lợp tole pro ximăng, nền bê tông xi măng, diện tích xây dựng là 90,9m2) trên thửa đất số 199. Năm 2012, thực hiện dự án đường V-Sa Huỳnh giai đoạn 1, bà Nguyễn Thị T đã được xác định là xây dựng nhà trước năm 2004 trên đất do UBND xã quản lý, được hỗ trợ 20% vật kiến trúc và cây cối, không bồi thường về đất (theo Quyết định 3440/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND huyện S). Đến năm 2022, bà T tiếp tục chiếm đất xây dựng thêm lều trại (nền đất, trụ bằng sắt hộp, xà gồ sắt hộp, mái lợp tole sóng vuông, diện tích là: 73,8m2; bao chiếm: 410,9m2; trụ, rào lưới B40 dài 49m; móng xây gạch bê tông dài 48m), UBND xã có kiểm tra hiện trường, lập biên bản vi phạm hành chính.

Từ trước đến nay bà Nguyễn Thị T có hộ khẩu tại xóm X, thôn X, xã T. Từ năm 1980 bà T có nhà ở tại thửa đất số 72, tờ bản đồ 11 đo vẽ năm 1996 diện tích 876m2 (400m2 đất ở, 476m2 đất BHK) đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/8/2004 có số vào sổ 03215; được cấp đổi tại thửa 118, tờ bản đồ 37 đo vẽ năm 2016, diện tích 972,2m2 (400m2 đất ONT, 572,2m2 đất BHK). Bà T có nhà ở trên thửa đất này từ khoảng năm 1980 và đến năm 2009 thì nhà đã sụp đổ, bà T không còn ở tại ngôi nhà này.

- Việc xây dựng điểm Trường X1, vị trí đất này chỉ liên quan đến hai hộ là Phạm Văn C1 và Lưu Văn Đ1 trong xóm X, thôn X, không liên quan đến hộ bà Nguyễn Thị T.

2.2. Quá trình xác lập thủ tục xử phạt vi phạm hành chính đối

a) Ngày 03/10/2022, UBND xã T có lập biên bản kiểm tra hiện trường, với kết quả kiểm tra "Qua kiểm tra chúng tôi phát hiện bà Nguyễn Thị T tự ý đổ đất lấn chiếm đất do UBND xã quản lý và che dựng lều tạm với diện tích 72m2 (12mx6m) với quy mô 10 trụ bằng sắt, xà gồ bằng sắt, mái lợp tôn sóng vuông, mặt phía trước làm bằng song sắt hộp". UBND xã yêu cầu bà Tư tự tháo dỡ trả lại mặt bằng như hiện trạng ban đầu.

b) Ngày 07/7/2023, UBND xã T lập Biên bản vi phạm hành chính về đất

đai đối số 04/BB-VPHC với bà Nguyễn Thị T, "2. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Vào lúc 7 giờ 45 phút ngày 03/10/2022, qua kiểm tra UBND xã H phát hiện bà Nguyễn Thị T có hành vi vi phạm cụ thể như sau: Chiếm đất do UBND xã quản lý tại thửa đất số 405, tờ bản đồ 38, đo vẽ năm 2016, loại đất BHK với tổng diện tích vi phạm 575,6m2. Địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã T, thành phố Q (nguyên thửa đất này thuộc thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, diện tích 819m2, đo vẽ năm 1996, loại đất màu), với quy mô cụ thể như sau:

+ Diện tích chiếm dụng làm nhà tạm 90,9m2, qui mô móng xây bằng đá chẻ, tường xây gạch không tô trát, cao 3,2m, xà gồ bằng gỗ, mái lợp tole pro xi măng, nền láng xi măng.

+ Diện tích chiếm dụng làm trại 73,8m2 (12,3x6m), qui mô nền đất, trụ làm bằng sắt hộp, xà gồ sắt hộp, mái lợp tole sóng vuông.

+ Phần diện tích chiếm còn lại để xây dựng trụ, vào lưới B40 dài 24,8m.

3. Quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai".

c) Ngày 04/8/2023, UBND thành phố xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 30/BB-XM, có nội dung "2. Đã có hành vi vi phạm hành chính vào lúc 15 giờ 05 phút ngày 07/7/2023, qua kiểm tra UBND xã T phát hiện bà Nguyễn Thị T có hành vi vi phạm hành chính, cụ thể như sau:

- Chiếm đất nông nghiệp do U tại khu vực nông thôn để xây dựng nhà ở, khi không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép với điện tích vi phạm là 575,6m2, thửa đất số 405, tờ bản đồ 38, diện tích 575,6m2, loại đất BHK, đo vẽ năm 2016, thôn X, xã T, thành phố Q.

Qui mô:

+ Phần làm nhà ở: Mỏng xây bằng đả chẻ, tường xây gạch không tô trát, cao 3,2m, xà gồ bằng gỗ, mái lợp tole pro xi măng, nền bê tông xi măng, diện tích xây dựng là 90,9m2.

+ Phần lều trại: Nền đất, trụ bằng sắt hộp, rào sắt, xà gồ sắt hộp, mái lợp tôn sóng vuông, diện tích 73,8m2.

+ Phần diện tích bao chiếm: 410,9m2; trụ, rào lưới B40 dài 49m, móng xây gạch xi măng dài 48m".

Ngày 04/8/2023, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 226/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị T.

2.3. Về xác định hành vi vi phạm

Thửa đất mà bà Nguyễn Thị T chiếm theo bản đồ đo vẽ năm 1986 xã T,

thuộc thửa đất số 397, tờ bản đồ số 16, diện tích: 636m2, loại đất màu. Theo bản đồ đo vẽ năm 1996 xã T, thuộc thửa đất số 199, tờ bản đồ 11, diện tích 819m2; loại đất màu. Khi thực hiện Nghị định 64/CP, thửa đất 199 loại đất màu, không được cân đối giao cho hộ hộ gia đình nào, do UBND xã T quản lý. Theo bản đồ đo vẽ năm 2016 là thửa đất 405, tờ bản đồ 38, xã T, diện tích 575,6m2, loại đất ONT+BHK. Bà Nguyễn Thị T không có giấy tờ về quyền sử dụng đối với thửa đất này.

Như vậy, bà Nguyễn Thị T đã có hành vi chiếm đất nông nghiệp do UBND xã T quản lý; quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

2.4. Về trình tự thủ tục, thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, thẩm quyền ban hành Quyết định vi phạm hành chính

a) Ngày 07/7/2023, UBND xã T lập Biên bản số 04/BB-VPHC vi phạm hành chính về đất đai đối với bà Nguyễn Thị T.

- Về hình thức, Biên bản số 04/BB-VPHC lập đúng theo Mẫu biên bản số 01 Phụ lục một số biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Về thẩm quyền, UBND xã T lập Biên bản số 04/BB-VPHC đúng theo Khoản 1 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, khoản 2 Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Về nội dung, Biên bản số 04/BB-VPHC được ghi rõ theo quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, gồm: Ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý.

- Về các thành phần ký, Biên bản số 04/BB-VPHC có chữ ký của cả nhân vi phạm, người lập biên bản, đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến là đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Xử phạt vi phạm hành chính năm 2012.

b) Ngày 04/8/2023, UBND thành phố có xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 30/BB-XM. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 Luật Xử phạt vi phạm hành chính năm 2012. Biên bản số 30/BB-XM lập đúng theo Mẫu biên bản số 05 Phụ lục một số biểu mẫu

trong xử phạt vi phạm hành chính kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

c) Ngày 04/8/2023, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 226/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị T.

- Về thời hạn ban hành, Quyết định số 226/QĐ-XPVPHC ban hành đúng theo điểm b Khoản 1 Điều 66 Luật Xử phạt vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Về hình thức, Quyết định số 226/QĐ-XPHC ban hành đúng theo Mẫu quyết định số 02 Phụ lục một số biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

- Về thẩm quyền, Chủ tịch UBND thành phố ký ban hành Quyết định số 226/QĐ-XPVPHC đúng theo khoản 2, Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Luật Xử phạt vi phạm hành chính năm 2012.

- Về nội dung xử phạt vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND thành phố yêu cầu bà Nguyễn Thị T chấp hành đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, gồm: Phạt tiền với mức 7.500.000đồng; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm và buộc bà trả lại đất đai chiếm; thời gian thực hiện khắc phục hậu quả 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định.

2.5. Kết quả kiểm tra hiện trạng

Ngày 05/10/2023, Thanh tra thành phố cùng với UBND xã T, Đ2 kiểm tra hiện trạng nhà, đất mà bà Nguyễn Thị T chiếm. Kết quả kiểm tra, trên thửa đất số 405 có phần làm nhà tạm, phần lều trại. phần diện tích đất bao chiếm theo Quyết định số 226/QĐ-XPHC, có phần tường móng xây gạch không nung.

Từ những tình tiết, diễn biến vụ việc và căn cứ các quy định pháp luật, nhận định:

Qua xem xét hồ sơ địa chính, trình bày về nguồn gốc đất và quá trình quản lý sử dụng của UBND xã T xác định thửa đất số 405, tờ bản đồ 38, đo vẽ năm 2016 xã T, diện tích 575,6m2 loại đất BHK do UBND xã quản lý. Bà Nguyễn Thị T chiếm đất nông nghiệp do U tại khu vực nông thôn, để xây dựng nhà ở, khi không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép với diện tích vi phạm là 575,6m2 tại thửa đất số 405 nói trên là hành vi vi phạm pháp luật về đất đai. Hành vi vi phạm của bà Nguyễn Thị T đã được UBND xã T phát hiện lập biên bản vi phạm hành chính, xác lập thủ tục và trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 226/QĐ-XPHC ngày 04/8/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị T là đúng hành vi vi phạm, đúng thẩm quyền, đúng nội dung,

tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Các nội dung khiếu nại và chứng cứ kèm theo của bà Nguyễn Thị T đối với Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 30/BB-XM; Quyết định số 226/QĐ-XPHC là không có cơ sở pháp lý lẫn thực tiễn để xét, giải quyết.

3. Ý kiến về yêu cầu của người khởi kiện

- Căn cứ quy định tại Điều 18, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND thành phố Q thụ lý và giải quyết khiếu nại lần đầu đối với nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị T là đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

- Căn cứ pháp lý để giải quyết khiếu nại đều đã được nêu cụ thể trong Quyết định số 6038/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị T (địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố Q). Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 226/QĐ-XPHC ngày 04/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Q và Quyết định số 6038/QĐ- UBND ngày 05/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị T là không có căn cứ.

Trên đây là ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố đối với vụ khiếu kiện của bà Nguyễn Thị T, đề nghị TAND tỉnh xem xét.

Tại Công văn số 392/UBND ngày 26/12/2023, Công văn số 146/UBND ngày 09/5/2024 và Công văn số 178/UBND ngày 05/6/2024, UBND xã T trình bày:

1.Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đối với thửa đất bà Nguyễn Thị T đang có đơn khởi kiện:

- Theo bản đồ địa chính năm 1986 (thực hiện theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ) thuộc thửa đất số 397, tờ bản đồ số 16, diện tích 636,0m2, loại đất: ĐM do ông Lưu T5 (cha của bà Nguyễn Thị T) đăng ký trong số 5b tại trang số 134, số thứ tự 02, quyển số 2. Theo sổ mục kê lập năm 1986 quyển số 2, trang số 258 đứng tên ông Lưu T5, tại cột ghi chú có ghi "5%";

- Theo bản đồ địa chính năm 1996 (thực hiện theo nghị định 64/CP của Chính phủ) thuộc thửa đất số 199, tờ bản đồ 11, diện tích 819,0m2, loại đất M, do UBND xã đứng tên chủ sử dụng đất. Trên thực tế thửa đất này nằm trong hành lang an toàn giao thôn Đ do đó thửa đất này được đưa vào quỹ đất do UBND xã quản lý, không cân đối giao cho bất kỳ hộ dân nào sử dụng.

- Theo bản đồ đo vẽ năm 2016 thuộc thửa đất 405, tờ bản đồ số 38 xã T, diện tích 575,6m2, loại đất ONT+BHK.

- Theo Sổ mục kê lập năm 2019 thửa đất số 405 nói trên ghi tên người sử

dụng, quản lý đất là bà Nguyễn Thị T. Do khi thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý thì UBND xã T rà soát bị thiếu sót, không đưa thửa đất này vào quản lý theo Chỉ thị 09/CT-UBND. Trong thời gian tới, UBND xã T tiếp tục rà soát đưa vào quản lý theo quy định.

- Năm 2004, bà Nguyễn Thị T có xây nhà tạm (móng xây bằng đá chẽ, tường xây gạch không tô trát cao 3,2m, xà gồ gỗ, mái lợp tole pro xi măng, diện tích xây dựng là 90,9m2) trên thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11 xã T. Năm 2012, thực hiện dự án đường V - S, giai đoạn 1, bà Nguyễn Thị T được xác định xây dựng nhà ở trước ngày 01/7/2004 trên đất UBND xã quản lý, được hỗ trợ 20% nhà cửa và vật kiến trúc, không bồi thường về đất (theo Quyết định 3440/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND huyện S). Đến năm 2022, bà Nguyễn Thị T tiếp tục chiếm đất xây dựng thêm lều trại (nền đất, trụ bằng sắt hộp, xà gồ sắt hộp, mái lợp tole song vuông, diện tích là 73,8m2; bao chiếm 410,9m2 trụ rào lưới B40 dài 49m; móng xây gạch bê tông dài 48m), UBND xã đã kiểm tra hiện trường, lập biên bản vi phạm hành chính.

2. Về nguồn gốc các thửa đất bà Nguyễn Thị T đang quản lý sử dụng:

- Tại thời điểm thực hiện Nghị định 64/CP, hộ bà Nguyễn Thị T có 04 nhân khẩu, được cân đối giao đất nông nghiệp theo bản đồ đo vẽ năm 1996 xã T là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 11, diện tích 450m2, loại đất BHK và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 7, diện tích 464,0m2, loại đất lúa (mỗi nhân khẩu được cân đối 75,0m2 đất màu cũng như đất lúa).

- Từ trước đến nay bà Nguyễn Thị T có hộ khẩu tại xóm X, thôn X, xã T. Từ năm 1980 bà Nguyễn Thị T có nhà ở tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 11 đo vẽ năm 1996 diện tích 876m2 (400m2 ONT, 476m2 đất BHK) đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/8/2024 có số vào sổ 03215; được cấp đổi tại thửa 118, tờ bản đồ số 37 đo vẽ năm 2016, diện tích 972,2m2 (400m2 đất ONT, 572,2m2 đất BHK).

Như vậy thửa đất này là do UBND xã quản lý, bà Nguyễn Thị T đang có hành vi chiếm đất do UBND xã quản lý. Việc khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai của bà Nguyễn Thị T là không có cơ sở giải quyết.

3. Đối với việc tuyên bố hành vi hành chính không giải quyết các Đơn khiếu nại ngày 17/4/2023, ngày 05/5/2023, ngày 23/5/2023 và ngày 07/8/2023 của Chủ tịch UBND xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là hành vi hành chính trái pháp luật. Buộc Chủ tịch UBND xã T các Đơn khiếu nại ngày 17/4/2023, ngày 05/5/2023, ngày 23/5/2023 và ngày 07/8/2023 của bà Nguyễn Thị T theo quy định. UBND xã T trình bày ý kiến như sau:

Ngày 30/01/2023 và ngày 13/02/2023, bà Nguyễn Thị T có đơn kiến nghị cung cấp thông tin đối với thửa đất số 397, tờ bản đồ số 10 xã T (bản đồ địa chính đo vẽ năm 1983). Qua kiểm tra rà soát hồ sơ địa chính được lưu trữ tại UBND xã, UBND xã T đã cung cấp thông tin liên quan đến thửa đất số 397, tờ bản đồ số 16 xã T (bản đồ đo vẽ năm 1983) cụ thể tại công văn số 68/UBND ngày 16/3/2023. Công văn số 68/UBND ngày 16/3/2023 của UBND xã T là văn bản cung cấp thông tin, không phải là quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại. Cho nên UBND xã T không thụ lý, giải quyết các đơn khiếu nại ngày 17/4/2023, 05/5/2023, 23/5/2023 và ngày 07/8/2023 của bà Nguyễn Thị T. UBND xã T đã trả lời cho bà Nguyễn Thị T tại Công văn số 62/UBND ngày 23/02/2024.

4. Nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng thửa đất số 362, tờ bản đồ số 38 (bản đồ đo vẽ năm 2016, xã T

Theo bản đồ địa chính năm 1986 (thực hiện theo Chỉ thị số 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ) thuộc thửa đất số 393, diện tích 784m2, tờ bản đồ số 16, xã T, do ông Nguyễn L2 đăng ký kê khai trong Sổ mục kê. Theo bản đồ địa chính năm 1996 (thực hiện theo Nghị định 64/CP) thuộc các thửa đất số: thửa 180, diện tích 328m2, tờ bản đồ số 11, xã T, loại đất ĐM do ông Phạm Văn C1 đứng tên đăng ký kê khai trong Sổ mục kê tại dòng số 44, trang 111, quyển số 3; thửa 1179, diện tích 360m2, tờ bản đồ số 11, xã T, loại đất M, không có ai đăng ký kê khai và thửa 667, diện tích 183m2, tờ bản đồ số 11, xã T, do UBND xã đứng tên chủ sử dụng đất tại dòng B, trang số 124, quyển số 3. Theo bản đồ đo vẽ năm 2016, thuộc thửa đất số 362, diện tích 559,5m2, tờ bản đồ số 38 xã T, loại đất DGD (Điểm trường Mầm non X1)

Điểm trường X1 được xây dựng trên thửa đất số 362, tờ bản đồ số 38 xã T, diện tích: 525m2 (Diện tích xây dựng 130m2, diện tích sân chơi 395m2). Được xây dựng và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2010, do gia đình ông Nguyễn Hữu Q hỗ trợ và xây dựng và giao cho Trường M quản lý, sử dụng.

Điểm trường X1 thuộc Trường M quản lý và hoạt động giảng dạy từ năm 2010 đến hết năm học 2018 - 2019. Từ năm học 2019-2020 đến nay Trường M không sử dụng và tổ chức giảng dạy ở cở sở này và bàn giao cơ sở vật chất cho thôn X quản lý. Hiện nay Ban thôn X tạm thời cho bà Trần Thị Thu S tạm mượn sử dụng để giảng dạy và giữ trẻ trong thôn.

UBND xã T không cho phép xây dựng nhà trẻ trên đất nông nghiệp và chưa được cấp giấy CNQSD đất và không cho Cơ sở mầm non X thuê. Nên bà Nguyễn Thị T khởi kiện tuyên bố hành vi hành chính của UBND xã T về việc cho phép xây dựng nhà trẻ trên đất nông nghiệp và chưa được cấp Giấy CNQSD đất và cho

cơ sở mầm non X thuê một phần thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, đo vẽ năm 1996, loại đất màu, đây là một phần thửa đất số 362, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016, diện tích 559,5m2, loại đất DGD là hành vi hành chính trái pháp luật là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị Thu S - Chủ cơ sở Mầm non X:

Cơ sở Mầm non X được xây dựng trên thửa đất số 362, tờ bản đồ số 38, xã T, diện tích: 525m2 (Diện tích xây dựng 130m2, diện tích sân chơi 395m2), được xây dựng và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2010, do gia đình ông Nguyễn Hữu Q hỗ trợ và xây dựng và giao cho Trường M quản lý, sử dụng. Sau này, Trường M không sử dụng và tổ chức giảng dạy ở cở sở này và bàn giao cơ sở vật chất cho thôn X quản lý. Từ năm 2020 đến nay, Ban thôn X tạm thời cho bà Trần Thị Thu S mượn sử dụng để giảng dạy và giữ trẻ trong thôn.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T không liên quan đến cơ sở mầm non X nên bà không có ý kiến gì.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lưu Văn G1, anh Lưu Văn Đ, chị Lưu Thị H2, anh Lưu Viết P và chị Lưu Thị S1 trình bày: Thống nhất với nội dung và các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2024/HC-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 19, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 57; Điều 58; Điều 59; khoản 1 Điều 66; Điều 67; Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác yêu toàn bộ cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính trả hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, năm 1996 và hiện nay

là thửa đất số 405, tờ bản đồ số 38 tại thôn X, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q đối với bà Nguyễn Thị T tại Thông báo việc trả hồ sơ không giải quyết số 1053/TB-CNTPQN ngày 09/11/2022 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q phải tiếp nhận lại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11. năm 1996 và hiện nay là thửa đất số 405, tờ bản đồ số 38 tại thôn X, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Nguyễn Thị T.

- Tuyên bố hành vi hành chính không giải quyết các đơn khiếu nại ngày 17/4/2023, ngày 05/5/2023, ngày 23/5/2023 và ngày 07/8/2023 của Chủ tịch UBND xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND xã T các đơn khiếu nại ngày 17/4/2023, ngày 05/5/2023, ngày 23/5/2023 và ngày 07/8/2023 của bà Nguyễn Thị T theo quy định pháp luật.

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND xã T về việc cho phép xây dựng Nhà trẻ trên đất nông nghiệp và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho Cơ sở mầm non X thuê một phần thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, đo vẽ năm 1996, loại đất màu, nay là một phần thửa đất số 362, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016, diện tích 559,5m2 loại đất DGD, là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 226/QĐ-XPHC ngày 04/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Q.

- Hủy quyết định số 6038/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào các ngày 20, 26, 27 tháng 6 năm 2024, tại đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung người khởi kiện bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 20/6/2024, bà Lưu Thị H2 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị H2 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của bà T, bà H2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị H2 còn trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có mặt; những người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị H2 có mặt; các đương sự khác vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của một số đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

* Xét kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị H2 thì thấy:

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc tuyên bố hành vi hành chính tại Thông báo trả hồ sơ không giải quyết số 1053/TB-CNTPQN ngày 09/11/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q là hành vi hành chính trái pháp luật:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 405, tờ bản đồ 38 (theo bản đồ đo vẽ năm 2016), diện tích 575,6m2, loại đất ONT+BHK theo bản đồ địa chính năm 1986 (thực hiện theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ) thuộc thửa đất số 397, tờ bản đồ số 16, diện tích 636m2, loại đất: ĐM do ông Lưu T5 đăng ký trong số 5b tại trang số 134, số thứ tự 02, quyển số 2. Theo sổ mục kê lập năm 1986 quyển số 2, trang số 258 đứng tên ông Lưu T5, tại cột ghi chú có ghi "5%";

Theo bản đồ địa chính năm 1996 (thực hiện theo nghị định 64/CP của Chính phủ) thuộc thửa đất số 199, tờ bản đồ 11, diện tích 819,0m2, loại đất M, do UBND xã T đứng tên chủ sử dụng đất.

Theo sổ mục kê lập năm 2019, thửa đất số 405 nói trên ghi tên người sử dụng, quản lý đất là hộ bà Nguyễn Thị T. Theo UBND xã T, do khi thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Q về tăng cường quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý thì UBND xã T rà soát bị thiếu sót, không đưa thửa đất này vào quản lý theo Chỉ thị 09/CT-UBND.

[2.2] Theo Biên bản xác minh của UBND xã T với những người biết việc

lúc cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP thể hiện: Thửa đất số 405, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016, trước đây là thửa đất số 199 thuộc đất hành lang an toàn giao thông quốc lộ 24B, không chia theo Nghị định 64/CP cho bất kỳ hộ nào và do Nhà nước quản lý. Bà T tự ý ra làm quán để mua bán, trước khi chia theo Nghị định 64/CP thì ông Lưu T5 có quản lý sản xuất, không phải bà T làm. Theo Trưởng thôn Xuân A giai đoạn từ năm 1999 - tháng 6/2013: khi bà T tự ý ra làm quán nhỏ để buôn bán, mưu sinh nuôi con; thôn báo xã xuống để tuyên truyền vận động tháo dỡ nhưng bà T không chấp hành. Sau đó bà tiếp tục cơi nới và chiếm đất đến năm 2012, dự án đường V - S chỉ hỗ trợ 20%, tháo dỡ vật kiến trúc, không bồi thường về đất vì đất này là của UBND xã T.

Theo UBND xã T, tại thời điểm thực hiện Nghị định 64/CP, hộ bà Nguyễn Thị T có 04 nhân khẩu, được cân đối giao đất nông nghiệp (theo bản đồ đo vẽ năm 1996) thửa đất số 2, tờ bản đồ số 11, diện tích 450m2, loại đất BHK và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 7, diện tích 464,0m2, loại đất lúa (mỗi nhân khẩu được cân đối 75,0m2 đất màu cũng như đất lúa).

[2.3] Tại Công văn số 3682/BQL-QLDA3 ngày 27/9/2023, Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi cung cấp: Qua kiểm tra phương án bồi thường được UBND huyện S phê duyệt đối với Dự án Đường ven biển D - S, đoạn D - M (km18-km35), đoạn qua xã T, nhận thấy: Tại thời điểm năm 2012, qua kiểm tra bản đồ dự án số B, diện tích 760,1m2, diện tích thu hồi 87,1m2, loại đất BHK (đối chiếu bản đồ địa chính thuộc thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, diện tích 819m2, loại đất M) không đủ điều kiện được bồi thường về đất do nguyên nhân đất có nguồn gốc sử dụng lấn chiếm đất do UBND xã quản lý. Do đó, đối chiếu với quy định tại thời điểm thực hiện bồi thường tại quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Q, hộ bà Nguyễn Thị T không được bồi thường về đất, chỉ được xem xét hỗ trợ 20% giá trị, nhà cửa bị ảnh hưởng với số tiền 6.700.544 đồng, bà T đã thống nhất nhận tiền vào ngày 15/01/2015, bàn giao mặt bằng cho dự án triển khai thi công; đồng thời, trong quá trình thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, Ban quản lý dự án không nhận bất kỳ nội dung đơn thư kiến nghị, khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị T liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của dự án.

[2.4] Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016, diện tích 575,6m2, loại đất ONT+BHK là của bà hay do ông Lưu T5 để lại cho bà; thửa đất không được Nhà nước giao cho hộ bà Nguyễn Thị T khi thực hiện Nghị định số 64/CP của Chính phủ. Bà cũng không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất; không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và

Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Năm 2012, bà cũng không khiếu nại, thắc mắc gì về việc Nhà nước không bồi thường về đất khi thu hồi một phần diện tích thửa đất này để thực hiện Dự án Đường ven biển D - S, đoạn D - M, đoạn qua xã T. Trong khi đó, theo bản đồ địa chính năm 1996 và kết quả xác minh của UBND xã T, thửa đất này do UBND xã đứng tên chủ sử dụng đất.

Mặt khác, theo Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, đối chiếu bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Q được UBND tỉnh Q phê duyệt tại Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Q thì thửa đất số 405, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016, diện tích 575,6m2 thuộc quy hoạch đất ở và quy hoạch đất giao thông.

Ngày 09/11/2022, Văn phòng Đ chi nhánh thành phố Q ban hành Thông báo số 1053/TB-CNTPQN về việc trả hồ sơ không giải quyết cho bà Nguyễn Thị T, địa chỉ thửa đất: xã T, thành phố Q do không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và nội dung về nguồn gốc đất kê khai không phù hợp với thông tin được lưu giữ tại cơ quan đăng ký là đúng quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và khoản 11 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TTBTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T7.

Do đó, việc trả hồ sơ không giải quyết của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q cho bà Nguyễn Thị T tại Thông báo số 1053/TB-CNTPQN ngày 09/11/2022 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện về việc tuyên bố hành vi hành chính không giải quyết các Đơn khiếu nại ngày 17/4/2023, ngày 05/5/2023, ngày 23/5/2023 và ngày 07/8/2023 của Chủ tịch UBND xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là hành vi hành chính trái pháp luật; buộc Chủ tịch UBND xã Tịnh Hòa giải quyết các đơn khiếu nại ngày 17/4/2023, ngày 05/5/2023, ngày 23/5/2023 và ngày 07/8/2023 của bà Nguyễn Thị T theo quy định pháp luật:

Xét thấy, trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, ngày 23/02/2024, UBND xã T đã ban hành văn bản số 62/UBND về việc trả lời đơn khiếu nại ngày 17/4/2023, ngày 05/5/2023, ngày 23/5/2023 cho bà Nguyễn Thị T. Do đó, việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính không giải quyết các Đơn khiếu nại ngày 17/4/2023, ngày 05/5/2023, ngày 23/5/2023 của Chủ tịch UBND xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là hành vi hành chính trái pháp luật; buộc Chủ tịch UBND xã Tịnh Hòa giải quyết các đơn khiếu nại nêu trên của bà theo quy định pháp luật là không có căn cứ.

Đối với đơn khiếu nại ngày 07/8/2023, bà Nguyễn Thị T khiếu nại Biên bản

vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 04/BB-VPHC ngày 07/7/2023 của UBND xã T (bút lục 193-194). Tuy nhiên, trước khi bà Nguyễn Thị T có đơn khiếu nại ngày 07/8/2023, Chủ tịch UBND thành phố Q căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC ngày 07/7/2023 và các tài liệu khác có liên quan, ban hành Quyết định số 226/QĐ-XPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị T. Do đó, UBND xã T không giải quyết đơn khiếu nại ngày 07/8/2023 của bà Nguyễn Thi T6 là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện về việc tuyên bố hành vi hành chính của UBND xã T về việc cho phép xây dựng Nhà trẻ trên đất nông nghiệp và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho Cơ sở mầm non X thuê một phần thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, đo vẽ năm 1996, loại đất màu, nay là một phần thửa đất số 362, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016, diện tích 559,5m2 loại đất DGD, là hành vi hành chính trái pháp luật:

Theo UBND xã T, cơ sở mầm non X được xây dựng trên thửa đất số 362, tờ bản đồ số 38 (bản đồ đo vẽ năm 2016), xã T. Thửa đất này theo bản đồ địa chính năm 1986 (thực hiện theo Chỉ thị số 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ) thuộc thửa đất số 393, diện tích 784m2, tờ bản đồ số 16, xã T, do ông Nguyễn L2 đăng ký kê khai trong Sổ mục kê. Theo bản đồ địa chính năm 1996 (thực hiện theo Nghị định 64/CP) thuộc các thửa đất số: thửa 180, diện tích 328m2, tờ bản đồ số 11, xã T, loại đất ĐM do ông Phạm Văn C1 đứng tên đăng ký kê khai trong Sổ mục kê tại dòng số 44, trang 111, quyển số 3; thửa 1179, diện tích 360m2, tờ bản đồ số 11, xã T, loại đất M, không có ai đăng ký kê khai và thửa 667, diện tích 183m2, tờ bản đồ số 11, xã T, do UBND xã đứng tên chủ sử dụng đất tại dòng B, trang số 124, quyển số 3. Theo bản đồ đo vẽ năm 2016, thuộc thửa đất số 362, diện tích 559,5m2, tờ bản đồ số 38 xã T, loại đất DGD (Điểm trường Mầm non X1). Thửa đất số 199, tờ bản đồ số 11, đo vẽ năm 1996, có diện tích 819m2 khi biến động thành thửa đất số 405, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016, diện tích 575,6m2 là do khi khi xây dựng diểm Trường Mầm non X1, UBND xã vận động hộ ông Phạm Văn C1, người sử dụng thửa đất số 180 và ông Lưu Văn Đ1, người sử dụng thửa đất số 179, cùng tờ bản đồ số 11, đo vẽ năm 1996 đổi đất để xây dựng trường mẫu giáo. Đồng thời, UBND xã điều chỉnh ranh giới tiếp giáp giữa các thửa đất 180, 179, 667 và thửa đất 199, tờ bản đồ số 11, đo vẽ năm 1996 cho phù hợp với điểm xây dựng trường. Ngoài ra, một phần diện tích giảm do mở đường phía Tây và phía Nam của thửa đất số 405. Cơ sở mầm non X được xây dựng và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2010, do gia đình ông Nguyễn Hữu Q hỗ trợ và xây dựng và giao cho Trường M quản lý, sử dụng. Điểm trường X1 thuộc Trường M quản lý và hoạt động giảng dạy từ năm 2010 đến hết năm học 2018 - 2019. Từ năm học 2019-2020 đến nay Trường M không sử dụng và tổ chức

giảng dạy ở cở sở này và bàn giao cơ sở vật chất cho thôn X quản lý. Hiện nay Ban thôn X tạm thời cho bà Trần Thị Thu S tạm mượn sử dụng để giảng dạy và giữ trẻ trong thôn. UBND xã T không cho phép xây dựng nhà trẻ trên đất nông nghiệp và chưa được cấp giấy quyền sử dụng đất và không cho Cơ sở mầm non X thuê. Mặt khác, thửa đất 405, tờ bản đồ số 38, diện tích 575,6m2 do UBND xã T quản lý nên việc điều chỉnh ranh giới tiếp giáp giữa thửa đất số 405 và thửa đất số 362, cùng tờ bản đồ số 36, đo vẽ năm 2016 không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T. Đồng thời, việc xây dựng cơ sở mầm non X trên thửa đất số 362 và việc sử dụng cơ sở này cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T. Do đó, yêu cầu nêu trên của bà Nguyễn Thị T không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 226/QĐ-XPHC ngày 04/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Q:

[5.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định:

Ngày 03/10/2022, UBND xã T có lập biên bản kiểm tra hiện trường, với kết quả bà Nguyễn Thị T tự ý đổ đất lấn chiếm đất do UBND xã quản lý và che dựng lều tạm với diện tích 72m2 (12mx6m) với quy mô 10 trụ bằng sắt, xà gồ bằng sắt, mái lợp tôn sóng vuông, mặt phía trước làm bằng song sắt hộp. Ngày 07/7/2023, UBND xã T lập Biên bản vi phạm hành chính về đất đai đối số 04/BB-VPHC với bà Nguyễn Thị T, có hành vi vi phạm cụ thể như sau: Chiếm đất do UBND xã quản lý tại thửa đất số 405 tờ bản đồ 38, đo vẽ năm 2016, loại đất BHK với tổng diện tích vi phạm 575,6m2. Diện tích chiếm dụng làm nhà tạm 90,9m2, quy mô móng xây bằng đá chẻ, tường xây gạch không tô trát, cao 3,2m, xà gồ bằng gỗ, mái lợp tôn pro xi măng, nền láng xi măng. Diện tích chiếm dụng làm trại 73,8m2 (12,3x6m), qui mô nền đất, trụ làm bằng sắt hộp, xà gồ sắt hộp, mái lợp tôn sóng vuông. Phần diện tích chiếm còn lại để xây dựng trụ, vào lưới B40 dài 24,8m. Biên bản vi phạm hành chính có chữ ký của cả nhân vi phạm, người lập biên bản, đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến.

Ngày 04/8/2023, UBND thành phố xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 30/BB-XM. Ngày 04/8/2023, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 226/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị T.

Xét thấy, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 226/QĐ-XPHC ngày 04/8/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 57; Điều 58; Điều 59; khoản 1 Điều 66; Điều 67; Điều 68 Luật Xử phạt vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); khoản 2

Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[5.2] Về nội dung:

Năm 2012, thực hiện dự án đường V - S, giai đoạn 1, bà Nguyễn Thị T được xác định xây dựng nhà ở trước ngày 01/7/2004 trên đất UBND xã quản lý, được hỗ trợ 20% nhà cửa và vật kiến trúc, không bồi thường về đất theo Quyết định 3440/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND huyện S. Đến năm 2022, bà Nguyễn Thị T tiếp tục chiếm đất xây dựng thêm lều trại (nền đất, trụ bằng sắt hộp, xà gồ sắt hộp, mái lợp tole song vuông, diện tích là 73,8m2; bao chiếm 410,9m2 trụ rào lưới B40 dài 49m; móng xây gạch bê tông dài 48m), UBND xã đã kiểm tra hiện trường, lập biên bản vi phạm hành chính. Như đã nhận định ở phần trên, thửa đất số 405, tờ bản đồ 38, đo vẽ năm 2016 xã T, diện tích 575,6m2 loại đất BHK do UBND xã quản lý. Tuy nhiên, năm 2022, bà T tiếp tục chiếm đất nông nghiệp do U tại khu vực nông thôn để xây dựng thêm lều trại (nền đất, trụ bằng sắt hộp, xà gồ sắt hộp, mái lợp tole sóng vuông, diện tích là: 73,8m2; bao chiếm: 410,9m2; trụ, rào lưới B40 dài 49m; móng xây gạch bê tông dài 48m) khi không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép với diện tích vi phạm là 575,6m2 tại thửa đất số 405 nói trên là hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, cụ thể là vi phạm quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 14, Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, hành vi vi phạm của bà Nguyễn Thị T đã được UBND xã T phát hiện lập biên bản vi phạm hành chính, xác lập thủ tục và trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 226/QĐ-XPHC ngày 04/8/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị T là đúng quy định của pháp luật.

[6] Xét yêu cầu huỷ quyết định số 6038/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T:

[6.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định:

Tại đơn khiếu nại ngày 18/8/2023, 20/8/2023 và biên bản làm việc ngày 06/9/2023 với Thanh tra thành phố Q, bà Nguyễn Thị T khiếu nại, yêu cầu UBND thành phố Q thu hồi và huỷ bỏ: Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 30/BB-XM ngày 04/8/2023 của UBND thành phố; Quyết định số 226/QĐ-XPHC ngày 04/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Q xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị T.

Căn cứ quy định tại Điều 18, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND thành phố Q thụ lý và giải quyết khiếu nại lần đầu đối với nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đúng quy định

của pháp luật.

[6.2] Về nội dung: như đã nhận định ở Mục [5], Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 226/QĐ-XPHC ngày 04/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Q là đúng quy định của pháp luật nên Quyết định số 6038/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị T có nội dung: Không công nhận tòa bộ nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 30/BB-XM ngày 04/8/2023 của UBND thành phố Q; Quyết định số 226/QĐ-XPHC ngày 04/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Q là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Bản án sơ thẩm đã toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị H2 đều kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị H2 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị H2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2024/HC-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Miễn án phí hành chính phúc thẩm đối với người khởi kiện bà Nguyễn Thị T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị H2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004209 ngày 09/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Phạm Ngọc Thái